TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **95**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16/9/2024
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Hoàng Thi

2. Bà Lý Thị Trúc Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành *tham gia phiên toà:* Bà Phạm Linh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2024/QĐXXST -HN ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa:

* *Nguyên đơn*:

Chị Trần Thị Thủy T, sinh năm 1976. (chị T có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: số E, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn*:

Anh Phan Văn T1, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Địa chỉ: số E, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2024 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Trần Thị Thủy T trình bày:

Chị và anh T1 kết hôn vào năm 2001, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Quá trình chung sống có hạnh phúc, đến giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, tính tình không

phù hợp. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T1.

Về con chung: có 03 con chung tên Phan Hồng S, sinh ngày 17/10/2002; Phan Công M, sinh ngày 04/8/2008 và Phan Ngọc N, sinh ngày 14/11/2013. Chị T yêu cầu được nuôi con, không có yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận

Về nợ chung: không có.

Vụ kiện đã được Tòa án mở phiên hoà giải nhưng không hoà giải được do anh T2. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: về tố tụng: không vi phạm tố tụng; về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Thủy T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Phan Văn T1 được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt; Hội đồng xét xử vắng mặt chị T và anh T1 là phù hợp với Điều 227, 288 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh T1 kết hôn vào năm 2001, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/10/2001 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1. Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh T1 là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: có 03 con chung tên Phan Hồng S, sinh ngày 17/10/2022; Phan Công M, sinh ngày 04/8/2008 và Phan Ngọc N, sinh ngày 14/11/2013. Cháu S đã trưởng thành, chị T yêu cầu được nuôi con cháu M và cháu N, không có yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy, con đang sống với chị T, cần tiếp tục giao các con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của con.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không có yêu cầu nên không xét đến.

[2.3] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên không xét đến.

[2.4] Về nợ chung: chị T khai không có nên không xét đến.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thủy T với anh Phan Văn T1.

Chị Trần Thị Thủy T được ly hôn anh Phan Văn T1. Quan hệ hôn nhân của chị T và anh T1 chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: có 03 con chung tên Phan Hồng S, sinh ngày 17/10/2022; Phan Công M, sinh ngày 04/8/2008 và Phan Ngọc N, sinh ngày 14/11/2013. Giao con gồm cháu Phan Công M và cháu Phan Ngọc N cho chị T nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh T1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, vì quyền và lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: tự thỏa thuận nên không xét đến.

4. Về nợ chung: chị T khai không có nên không xét đến.

5. Án phí

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000654 ngày 25/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị T, anh T1 vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA huyện Châu Thành;
- UBND xã Tường Đa,
(Số 20/2001/ĐKKH ngày 12/10/2001)
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Nguyễn Trọng Hiếu